

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
HỌC PHẦN VẬT LÝ TRỊ LIỆU VÀ PHỤC HỒI CHỨC NĂNG

1. Mô tả học phần

Học phần Vật lý trị liệu và phục hồi chức năng là học phần tự chọn trong khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo cử nhân Điều dưỡng trình độ đại học. Học phần cung cấp cho sinh viên các khái niệm và kỹ thuật vật lý trị liệu sử dụng dòng điện 1 chiều, dòng điện xung, điện từ trường cao tần, ánh sáng và nhiệt. Đồng thời, các kỹ thuật phục hồi chức năng cho người khuyết tật, bệnh nhân liệt nửa người do đột quỵ não, phẫu thuật ổ bụng. Các kỹ thuật vật lý trị liệu và phục hồi chức năng bao gồm điện di ion thuốc, kéo dẫn cột sống bằng máy kéo, võ, rung lồng ngực, tập vận động cũng được cung cấp để sinh viên thực hành lâm sàng.

2. Mục tiêu học phần

Học xong học phần Vật lý trị liệu và phục hồi chức năng, sinh viên có khả năng giải thích được các khái niệm về vật lý trị liệu và phục hồi chức năng. Sinh viên thực hiện được các kỹ thuật vật lý trị liệu sử dụng dòng điện 1 chiều, dòng điện xung, điện từ trường cao tần, ánh sáng và nhiệt. Học phần giúp sinh viên thực hiện được các kỹ thuật phục hồi chức năng cho người khuyết tật, bệnh nhân liệt nửa người do đột quỵ não, phẫu thuật ổ bụng. Thực hành các kỹ thuật điện di ion thuốc, kéo dẫn cột sống bằng máy kéo, võ, rung lồng ngực, tập vận động.

3. Chuẩn đầu ra học phần

CLO1.1. Vận dụng kiến thức vật lý trị liệu và phục hồi chức năng vào các quy trình điều dưỡng;

CLO1.2. Áp dụng được các kỹ thuật vật lý trị liệu sử dụng dòng điện 1 chiều, dòng điện xung, điện từ trường cao tần, ánh sáng và nhiệt vào điều trị cho bệnh nhân;

CLO1.3. Vận dụng được các kỹ thuật phục hồi chức năng cho người khuyết tật, bệnh nhân liệt nửa người do đột quỵ não;

CLO2.1. Thực hành các kỹ thuật điện di ion thuốc, kéo dẫn cột sống bằng máy kéo, võ, rung lồng ngực, tập vận động cho các bệnh nhân;

CLO2.2. Thể hiện đạo đức nghề nghiệp và hành nghề theo quy định của pháp luật trong chăm sóc, điều trị bệnh nhân bằng vật lý trị liệu, phục hồi chức năng.

CLO3.1. Tham gia tích cực và hiệu quả hoạt động nhóm;

CLO4.1. Phân tích nhu cầu của các cá nhân, gia đình và cộng đồng để lựa chọn và sử dụng các kỹ thuật vật lý trị liệu và phục hồi chức năng phù hợp.

4. Nội dung chi tiết học phần

Bài 1. Khái niệm về Phục hồi chức năng

1. Phục hồi chức năng

1.1. Định nghĩa (WHO 1993)

1.2. Mục đích của phục hồi chức năng

1.3. Các hình thức phục hồi chức năng

2. Khái niệm phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng

2.1. Mục tiêu của Chương trình Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng

2.2. Các phạm vi của chương trình PHCN DV CĐ

2.3. Nguyên lý cơ bản về mặt lý luận của PHCN DV CĐ

3. Vai trò của người điều dưỡng trong phục hồi chức năng

3.1. Chức năng phát hiện

3.1.1 Đánh giá mức độ cần can thiệp.

3.1.2 Phát hiện các thương tật thứ cấp

3.1.3 Phát hiện các triệu chứng, bệnh, tật cần được PHCN.

3.2. Chức năng phối hợp

3.2.1 Giới thiệu bệnh nhân sang khoa PHCN điều trị kết hợp

3.2.2 Tham gia hội chẩn và lập kế hoạch phục hồi chức năng.

3.3. Chức năng độc lập

3.3.1 Thực hiện các kỹ thuật phục hồi chức năng đơn giản trong khả năng.

3.3.2 Theo dõi mức độ tiến triển của bệnh nhân.

3.3.3 Định kỳ, đánh giá bệnh nhân và lập chương trình phục hồi chức năng phù hợp.

3.3.4 Thực hiện số kỹ thuật phục hồi chức năng đơn giản cho người bệnh tại khoa.

Bài 2. Các phương pháp vật lý trị liệu

1. Vận động trị liệu (VĐTL)

1.1. Định nghĩa.

1.2. Mục đích của vận động trị liệu

1.3 Tác dụng sinh học của VĐTL.

1.4 Phân loại tập vận động.

1.5. Chú ý khi thực hiện vận động

1.6 Nguyên tắc chung khi thực hiện kỹ thuật vận động trị liệu:

2. Xoa bóp trị liệu

2.1. Định nghĩa

2.2. Tác dụng xoa bóp

2.3. Chỉ định của xoa bóp.

2.4. Chống chỉ định của xoa bóp.

3. Hoạt động trị liệu

3.1. Định nghĩa

3.2. Mục đích

3.3. Các phạm vi của HĐTL.

4. Ánh sáng trị liệu

4.1 Tia tử ngoại

4.2 Tia hồng ngoại

5. Thủy trị liệu

5.1 Nước nóng

5.2 Nước lạnh

6. Điện trị liệu

6.1 Siêu âm trị liệu

6.2 Sóng ngắn trị liệu

6.3 Điện phân dẫn thuốc

6.4 Điện xung trị liệu

Bài 3. Phục hồi chức năng xương-khớp

1. Phục hồi chức năng viêm quanh khớp vai

2. Phục hồi chức năng trật khớp vai

3. Phục hồi chức năng gãy thân xương cánh tay

4. Phục hồi chức năng gãy thân xương cẳng tay

5. Phục hồi chức năng trật khớp háng

6. Phục hồi chức năng gãy cổ xương đùi

7. Phục hồi chức năng gãy xương thân đùi

8. Phục hồi chức năng thoái hóa đốt sống cổ

9. Phục hồi chức năng thoát vị đĩa đệm

Bài 4. Phục hồi chức năng cơ- thần kinh

1. Phục hồi chức năng đau thắt lưng

2. Phục hồi chức năng xơ hóa cơ delta

3. Phục hồi chức năng tổn thương mô mềm

4. Phục hồi chức năng tổn thương tủy sống cổ, thắt lưng

5. Phục hồi chức năng đau thần kinh tọa

6. Phục hồi chức năng tổn thương thần kinh ngoại biên, trung ương

Bài 5. Tập luyện phục hồi chức năng

1. Tập luyện di chuyển với gậy – nạng

1.1. Chuẩn bị di chuyển

1.1.1. Tư thế

1.1.2. Chuẩn bị tâm lý

1.1.3. Chuẩn bị thể lực

1.2. Lựa chọn dụng cụ

1.2.1. Cặp nạng hay gậy (cây chống 4 chân, 3 chân)

1.2.2. Khung tập đi

1.3. Cách điều chỉnh gậy - nạng phù hợp với chiều cao bệnh nhân

1.3.1. Nạng nách

1.3.2. Nạng khuỷu

1.3.3. Gậy

1.4. Quy tắc tổng quát về cách luyện dáng đi

1.5. Những cách đi nạng

1.5.1. Đi 4 điểm

1.5.2. Đi 2 điểm

1.5.3. Cách đi 3 điểm

1.5.4. Cách đi lết

1.5.5. Cách đi đù tới và đù qua

2. Di chuyển với xe lãn

2.1. Công dụng của xe lãn

2.2. Chức năng chung của xe lãn:

2.3. Phân loại xe lãn:

2.4. Chỉ định

2.5. Chống chỉ định

2.6. Bất lợi khi dùng xe lãn

2,7. Chăm sóc và bảo dưỡng xe lãn

5. Kiểm tra đánh giá học phần

Bài đánh giá	Hình thức đánh giá và lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ cho học phần
A1. Đánh giá thường xuyên (tối thiểu 03 bài đánh giá)				50%
A1.1	Chuyên cần và thái độ học tập; danh sách điểm danh, điểm danh trên hệ thống LMS (Điểm chuyên cần)	- Rubric 1	CLO1.1 CLO1.2 CLO1.3	10%
A1.2	Bài tập tập cá nhân, bài tập nhóm, bài trắc nghiệm lưu trữ trên hệ thống LMS (Điểm hồ sơ học phần)	- Rubric 2 - Rubric 3	CLO1.1 CLO1.2 CLO2.1	20%
A1.3	Bài kiểm giữa kỳ bằng trắc nghiệm khách quan hoặc tự luận (Điểm kiểm tra giữa kỳ)	- Đáp án	CLO1.1 CLO1.2	20%
A2. Đánh giá cuối kì				50%
A.2.1 (Lý thuyết)	- Thi vấn đáp/viết; TT Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ (Điểm thi kết thúc học phần)	- Đáp án	CLO1.1 CLO1.2 CLO1.3 CLO4.	40%

			1	
A2.2 (Thực hành)	- Kiểm tra kỹ năng thực hành lâm sàng <i>(Điểm thực hành lâm sàng)</i>	Rubric 4	CLO1. 1	10%
			CLO1. 2	
			CLO2. 2	
			CLO3. 1	

5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá

Bảng A1. Rubric 1 - Tiêu chí đánh giá chuyên cần và thái độ

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đánh giá					Trọng số
	A (8.5-10)	B (7.0-8.4)	C (5.5-6.9)	D (4.0-5.4)	F (0-3.9)	
Tham gia lớp học	Đi học đầy đủ số buổi theo yêu cầu	Vắng học ~7% so với quy định (1-2 tiết/30tiết)	Vắng học ~14% so với quy định (3-4 tiết)	Vắng học ~20% so với quy định (5-6 tiết)	Vắng học quá 20% số giờ theo quy định	50%
Vào lớp học đúng giờ	Luôn đi học đúng giờ	Vào lớp muộn 1-2 buổi (quá 15 phút)	Vào lớp muộn 3-4 buổi	Vào lớp muộn 5-6 buổi	Vào lớp muộn >6 buổi	20%
Tham gia các hoạt động trên lớp (bài tập tại lớp, thảo luận nhóm, phát biểu, trình bày báo cáo,...)	Tích cực tham gia làm bài tập, thảo luận, phát biểu (>=N) (N được tính 100% hoạt động)	Thường xuyên tham gia làm bài tập, thảo luận, phát biểu (~75%N hoạt động)	Có tham gia làm bài tập, thảo luận, phát biểu (~50%N hoạt động)	Ít tham gia làm bài tập, thảo luận, phát biểu (~25%N hoạt động)	Không tham gia các hoạt động trên lớp	15%

Thực hiện nhiệm vụ tự học (bài tập ở nhà,...)	- Làm đầy đủ 100% bài tập cá nhân (2 bài) - Nạp bài tập đúng hạn	- Làm đầy đủ 100% bài tập cá nhân (2 bài) - Nạp bài tập không đúng hạn	- Làm được 50% bài tập cá nhân (1 bài) - Nạp bài tập đúng hạn	- Làm được 50% bài tập cá nhân (1 bài) - Nạp bài tập không đúng hạn	Không nộp bài tập cá nhân trên hệ thống; lấy bài của người khác nộp (qua các câu hỏi của GV)	15%
--	---	---	--	--	--	-----

Tiêu chí đánh giá bài tập cá nhân

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đánh giá					Trọng số
	A (8.5-10)	B (7.0-8.4)	C (5.5-6.9)	D (4.0-5.4)	F (0-3.9)	
Xác định vấn đề, nội dung bài tập cá nhân	Xác định được vấn đề, nội dung bài tập cá nhân (rất tốt)	Xác định được vấn đề, nội dung bài tập cá nhân (tốt)	Xác định được vấn đề, nội dung bài tập cá nhân (khá)	Xác định được vấn đề, nội dung bài tập cá nhân (trung bình)	Xác định được vấn đề, nội dung bài tập cá nhân (yếu)	20%
Triển khai nội dung bài tập cá nhân	- Trình bày, triển khai được các nội dung bài tập cá nhân (rất tốt) - Phân tích, lập luận chặt chẽ, có hình ảnh minh họa cho giải thích, lập luận phù hợp.	- Trình bày, triển khai được các nội dung bài tập cá nhân (tốt) - Phân tích, lập luận tốt, có hình ảnh minh họa cho giải thích, lập luận phù hợp	- Trình bày, triển khai được các nội dung bài tập cá nhân (khá) - Phân tích, lập luận khá, có hình ảnh minh họa cho giải thích, lập luận phù hợp vừa phải.	- Trình bày, triển khai được các nội dung bài tập cá nhân (trung bình) - Phân tích, lập luận các nội dung, có hình ảnh minh họa nhưng chưa phù hợp	- Trình bày, triển khai được các nội dung bài tập cá nhân (yếu) - Phân tích, lập luận chưa chặt chẽ, không có hình ảnh minh họa cho giải thích, lập luận.	50%
Kết luận	Kết luận, khái quát vấn đề rất tốt, rõ ràng;	Kết luận, khái quát vấn đề tốt	Kết luận, khái quát vấn đề khá	- Kết luận, khái quát vấn đề trung bình	- Không kết luận, khái quát vấn đề hoặc chưa rõ ràng	10%
Hình thức bài tập cá nhân	- Đúng mẫu quy định, đầy đủ các mục, tiêu mục; - Bố cục	- Đúng mẫu quy định, đầy đủ các mục, tiêu mục; - Bố cục	- Đúng mẫu quy định, đầy đủ các mục, tiêu mục; - Bố cục	- Đúng mẫu quy định, không có các mục, tiêu mục; - Bố cục tạm được;	- Không đúng mẫu quy định, không có mục, tiêu mục - Bố cục	20%

	lô-gic, rõ ràng; - Định dạng, căn lề, cách đoạn, giãn dòng đúng yêu cầu theo mẫu.	tốt; - Định dạng, căn lề, cách đoạn, giãn dòng đáp ứng yêu cầu tốt theo mẫu.	khá; - Định dạng, căn lề, cách đoạn, giãn dòng đúng yêu cầu khá theo mẫu.	- Định dạng, căn lề, cách đoạn, giãn dòng đáp ứng một phần yêu cầu theo mẫu.	thiếu lô-gic, lộn xộn; - Định dạng, căn lề, cách đoạn, giãn dòng không đúng yêu cầu theo mẫu.	
--	--	---	--	--	--	--

Tiêu chí đánh giá bài tập nhóm

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đánh giá					Trọng số
	A (8.5-10)	B (7.0-8.4)	C (5.5-6.9)	D (4.0-5.4)	F (0-3.9)	
Xác định vấn đề, nội dung bài tập nhóm	Xác định được vấn đề, nội dung bài tập nhóm (rất tốt)	Xác định được vấn đề, nội dung bài tập nhóm (tốt)	Xác định được vấn đề, nội dung bài tập cá nhân (khá)	Xác định được vấn đề, nội dung bài tập cá nhân (trung bình)	Xác định được vấn đề, nội dung bài tập cá nhân (yếu)	10%
Triển khai nội dung bài tập nhóm	- Trình bày, triển khai được các nội dung bài tập nhóm (rất tốt) - Phân tích, lập luận chặt chẽ, có hình ảnh minh họa cho giải thích, lập luận phù hợp.	- Trình bày, triển khai được các nội dung bài tập nhóm (tốt) - Phân tích, lập luận tốt, có hình ảnh minh họa cho giải thích, lập luận phù hợp	- Trình bày, triển khai được các nội dung bài tập nhóm (khá) - Phân tích, lập luận khá, có hình ảnh minh họa cho giải thích, lập luận phù hợp vừa phải.	- Trình bày, triển khai được các nội dung bài tập nhóm (trung bình) - Phân tích, lập luận các nội dung, có hình ảnh minh họa nhưng chưa phù hợp	- Trình bày, triển khai được các nội dung bài tập nhóm (yếu) - Phân tích, lập luận chưa chặt chẽ, không có hình ảnh minh họa cho giải thích, lập luận.	30%
Kết luận	Kết luận, khái quát vấn đề rất tốt, rõ ràng;	Kết luận, khái quát vấn đề tốt	Kết luận, khái quát vấn đề khá	Kết luận, khái quát vấn đề trung bình	Không kết luận, khái quát vấn đề hoặc chưa rõ ràng	10%
Hình thức bài tập nhóm	- Đúng mẫu quy định, đầy đủ các mục, tiêu mục; - Bố cục lô-gic, rõ ràng; - Định dạng, căn lề, cách đoạn, giãn	- Đúng mẫu quy định, đầy đủ các mục, tiêu mục; - Bố cục tốt; - Định dạng, căn	- Đúng mẫu quy định, đầy đủ các mục, tiêu mục; - Bố cục khá; - Định dạng, căn lề, cách	- Đúng mẫu quy định, không có các mục, tiêu mục; - Bố cục tạm được; - Định dạng, căn	- Không đúng mẫu quy định, không có mục, tiêu mục - Bố cục thiếu lô-gic, lộn xộn;	10%

	dòng đúng yêu cầu theo mẫu.	lê, cách đoạn, giãn dòng đáp ứng yêu cầu tốt theo mẫu.	đoạn, giãn dòng đúng yêu cầu khá theo mẫu.	lê, cách đoạn, giãn dòng đáp ứng một phần yêu cầu theo mẫu.	- Định dạng, căn lề, cách đoạn, giãn dòng không đúng yêu cầu theo mẫu.	
Tổ chức nhóm	Nhiệm vụ từng thành viên rõ ràng, tương tác giữa các thành viên trong nhóm rất tốt (sổ ghi chép)	Nhiệm vụ được phân công cụ thể cho từng thành viên, tương tác giữa các thành viên tốt (sổ ghi chép)	Mỗi thành viên được phân chia công việc nhưng không rõ ràng, chưa có sự tương tác giữa thành viên nhóm. (sổ ghi chép)	Nhiệm vụ được phân chia không rõ ràng cho các thành viên trong nhóm (sổ ghi chép)	Không có hoạt động nhóm (sổ ghi chép)	10%
Thảo luận nhóm	- Thu thập và đưa ra nhiều tài liệu liên quan đến nội dung bài tập nhóm; - Đưa ra những ý tưởng rõ ràng, liên quan đến nội dung bài tập	- Thu thập thông tin cơ bản về bài tập nhóm; - Thỉnh thoảng đưa ra những ý tưởng liên quan đến nội dung bài tập nhóm.	- Chỉ thu thập thông tin khi có yêu cầu; - Ít khi đưa ra ý tưởng liên quan đến nội dung bài tập nhóm.	Có đưa ra tưởng nhưng không rõ ràng và không liên quan đến yêu cầu của nhóm	Không thu thập thông tin hay đóng góp ý kiến cho nhóm	10%
Hợp tác nhóm, họp nhóm	- Các thành viên luôn lắng nghe, chia sẻ với nhau và ủng hộ sự điều hành của trưởng nhóm. - Tổ chức họp nhóm ít nhất 3-4 lần	- Các thành viên lắng nghe, chia sẻ với nhau, ủng hộ sự điều hành của trưởng nhóm - Tổ chức họp nhóm ít nhất 2-3 lần	- Các thành viên lắng nghe, nhưng ít chia sẻ với nhau, nhưng chưa ủng hộ sự điều hành của trưởng nhóm - Tổ chức họp nhóm ít nhất 1-2 lần	- Các thành viên ít lắng nghe, ít chia sẻ với nhau, không ủng hộ sự điều hành của trưởng nhóm - Tổ chức họp nhóm ít nhất 1 lần	- Các thành viên không lắng nghe, chia sẻ với nhau, không ủng hộ sự điều hành của trưởng nhóm - Không tổ chức họp nhóm	10%
Trình bày và trả lời câu hỏi	- Trình bày mạch lạc, nói to, rõ và tự tin; thuyết phục được người nghe và giao lưu người	Trình bày mạch lạc, nói rõ và tự tin; thuyết phục được người nghe và giao lưu	Trình bày khá mạch lạc, nhưng nói nhỏ, thiếu tự tin, thỉnh thoảng giao lưu với	Trình bày chưa mạch lạc, nói nhỏ, thiếu tự tin, ít giao lưu với người nghe;	Trình bày lộn xộn, không rõ ràng, không tự tin; chỉ đọc, không	10%

	nghe; - Trả lời rất tốt các câu hỏi	người nghe; - Trả lời tốt các câu hỏi (khoảng 75%)	người nghe; - Trả lời được một số câu hỏi (khoảng 50%)	- Trả lời câu hỏi nhưng chưa đáp ứng yêu cầu (khoảng 50%)	giao lưu với người nghe; - Không trả lời được câu hỏi	
--	--	---	---	---	--	--

Bảng A5. Rubric 5 – Tiêu chí đánh giá thực hành

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đánh giá					Trọng số
	A (8.5-10)	B (7.0-8.4)	C (5.5-6.9)	D (4.0-5.4)	F (0-3.9)	
Chuyên cần, thái độ	- Tham gia đầy đủ tất cả các bài thực hành, không vắng. - Nghiêm túc tiến hành các hoạt động theo hướng dẫn của giảng viên, không làm việc riêng	- Tham gia đầy đủ các bài thực hành, vắng 1 buổi nhưng đã thực hành bù - Nghiêm túc tiến hành các hoạt động theo hướng dẫn của giảng viên, thỉnh thoảng làm việc riêng	- Tham gia đầy đủ các bài thực hành, vắng 1-2 buổi nhưng đã thực hành bù; - Nghiêm túc tiến hành bài thí nghiệm nhưng không theo hướng dẫn của giảng viên, làm việc riêng	- Tham gia chưa đầy đủ tất cả các bài thực hành, vắng 1-2 buổi nhưng thực hành bù được 1 buổi - Chưa nghiêm túc tiến hành các hoạt động thực hành theo hướng dẫn, làm việc riêng	- Tham gia không đầy đủ tất cả các bài thực hành, không thực hành bù - Chưa nghiêm túc tiến hành các hoạt động theo hướng dẫn của giảng viên, không tham gia thực hành.	20%
Chuẩn bị bài thực hành	Chuẩn bị tốt bài thực hành, trả lời được tất cả các câu hỏi giảng viên đưa ra	Chuẩn bị bài thực hành đầy đủ, trả lời được 75% câu hỏi giảng viên đưa ra	Có chuẩn bị bài thực hành, trả lời được 50% câu hỏi giảng viên đưa ra	Có chuẩn bị bài thực hành, nhưng chưa đầy đủ, chỉ trả lời được 25% câu hỏi giảng viên đưa ra	Không chuẩn bị bài thực hành, không trả lời được các câu hỏi của giảng viên	30%
Kỹ năng thực hành thí nghiệm	- Thực hiện được các bước thực hành, thí nghiệm và thu được kết quả; - Tổ chức	- Thực hiện được các bước thực hành, thí nghiệm thu được kết quả nhưng chưa chính xác;	- Thực hiện được các bước thực hành, thí nghiệm nhưng kết quả không tốt;	- Thực hiện được các bước thực hành, thí nghiệm và nhưng không ra	- Không thực hiện được các bước thực hành, thí nghiệm và không có kết quả;	40%

	hoạt động nhóm tốt, có sự phối hợp với nhau, phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên	- Tổ chức hoạt động nhóm, có sự phối hợp với nhau, phân công nhiệm vụ cho các thành viên	- Tổ chức hoạt động nhóm chưa tốt, ít phối hợp với nhau, phân công nhiệm vụ chưa rõ ràng	kết quả; - Không tổ chức được nhóm hoặc nhóm không có sự phối hợp với nhau, phân công nhiệm vụ không rõ ràng	- Không tổ chức được nhóm, thiếu sự hợp tác lẫn nhau, không có sự phân công nhiệm vụ cho các thành viên	
Kết quả thí nghiệm	Kết quả thực hành, thí nghiệm đúng, rõ ràng; báo cáo kết quả đầy đủ, khoa học và chính xác	Kết quả thực hành, thí nghiệm đúng; báo cáo kết quả đầy đủ, nhưng chưa khoa học.	Kết quả thực hành, thí nghiệm không chính xác; báo cáo kết quả chưa đầy đủ, chính xác.	Không có kết quả thực hành thí nghiệm, hoặc có nhưng không đúng; báo cáo không đầy đủ	Không có kết quả thực hành, thí nghiệm; không có báo cáo	10%

6.5. Các phương tiện hỗ trợ dạy học

- Máy chiếu: Dùng cho giảng dạy trên lớp
- Phần mềm tương tác LMS: Tất cả các bài tập về nhà và các nội dung tự học được gửi qua cổng LMS và có thể qua email.

7. Nguồn học liệu

Giáo trình:

[1] Bài giảng Vật lý trị liệu, Bệnh viện Y học cổ truyền Nghệ An.

Tài liệu tham khảo:

[2]. Basant Puri, Psychiatry: An Evidence-Based Text, Edward Arnold, London, 2010

8. Quy định của môn học

- Dự lớp theo đúng quy chế;
- Thực hiện các bài tập trên lớp và tự học theo phân công của Giảng viên;
- Sinh viên nộp Hồ sơ học phần theo yêu cầu;
- Sinh viên phải nộp bài tập/bài báo cáo đúng thời gian theo yêu cầu của giảng viên;
- Tỷ lệ sinh viên phải có mặt trên lớp: $\geq 80\%$ số giờ quy định;
- Thực hiện đầy đủ các bài đánh giá.

9. Phụ trách môn học

- Khoa/bộ môn phụ trách: Viện Công nghệ Hóa sinh – Môi trường.
- Địa chỉ/Email: Tầng 2 nhà A0, Đại học Vinh